

Bản án số: 17/2024/DS – ST.

Ngày: 25-3-2024

V/V tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 623/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXX- ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐHPT-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Trụ sở: Số B đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.

Ông Trần Quốc K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B. (là Người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số: 3270/2022/QĐ-PL ngày 26-12-2022 v/v ký hợp đồng/thỏa thuận/văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng của Tổng giám đốc –Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP S); Ông Trần Quốc K ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y, chức vụ: chuyên viên kiểm soát rủi ro Chi nhánh B - Ngân hàng TMCP S. (Theo văn bản ủy quyền số: 592/2022/GUQ-CNBR ngày 27-12-2023 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP S, chi nhánh B. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngây T, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ D, Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-9-2023, trong quá trình tố tụng Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hoàng Ý trình bày:

Ngày 19- 8-2022, bà T có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng (lãi suất trong hạn).

Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 54,700,000 đồng (Chi tiết theo bảng kê đính kèm).

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 53,730,000 đồng (Chi tiết theo bảng kê đính kèm).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm hợp đồng, 90 ngày không thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15-6-2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ bà T còn thiếu tại thời điểm này số tiền là 55,092,474 đồng sang Nợ quá hạn, Ngân hàng xin được gọi là Nợ gốc (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 4.15%/ tháng trên số tiền Nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Ngày 04-01-2023, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 38,000,000 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu Bà T trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 25-03-2024 là **34,398,219** đồng. Cụ thể là:

+ Số tiền gốc tính đến ngày 25-03-2024: 17,092,474 đồng

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 15-06-2023 đến ngày 25-03-2024: 17,305,745 đồng

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Ngây T phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 25-3-2024 là: 17,092,474 đồng + 17,305,745 đồng = 34,398,219 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm mười chín đồng). Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 25-03-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Bị đơn- bà **Nguyễn Thị Ngây T** trong suốt quá trình tố tụng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

3.1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

3.2. Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S**, buộc bà **T** phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh như yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** khởi kiện “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà **Nguyễn Thị Ngây T**, bà **T** có nơi cư trú tại **thành phố V** nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bà **Nguyễn Thị Ngây T**, cung cấp địa chỉ tại **Tổ D, Thôn G, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.** Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ yêu cầu bà **Nguyễn Thị Ngây T** đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử. Tuy nhiên, bà **T** vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng TMCP S**. Ngày 19-8-2022, bà **Nguyễn Thị Ngây T** có ký với **Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B** (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 50,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng (lãi suất trong hạn). Trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà **T** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 54,700,000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 53,730,000 đồng. Tính đến ngày 25-03-2024. Cụ thể là:

+ Số tiền gốc tính đến ngày 25-03-2024: 17,092,474 đồng.

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 15-06-2023 đến ngày 25-03-2024: 17,305,745 đồng

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Ngây T phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 25-3-2024 là: 17,092,474 đồng + 17,305,745 đồng = 34,398,219 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm mười chín đồng).

+/- Xét về số nợ gốc, nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nêu trên, thấy:

Theo các điều khoản của hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng đã ký, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 15-6-2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ bà T còn thiếu tại thời điểm này số tiền là **55,092,474 đồng** sang Nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 4.15%/ tháng trên số tiền Nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) với thời gian vi phạm theo đúng các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã cam kết, cũng như các quy định của Ngân hàng N tại từng thời điểm và phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, đã đủ căn cứ buộc bà Nguyễn Thị Ngây T phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 25-03-2024 là: 17,092,474 đồng + 17,305,745 đồng = 34,398,219 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm mười chín đồng). Bao gồm:

+ Số tiền gốc tính đến ngày 25-03-2024: 17,092,474 đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 15-06-2023 đến ngày 25-03-2024: 17,305,745 đồng.

Và khoản lãi phát sinh từ ngày 26-3-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngây T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S .

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S v/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn Thị Ngây T .

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngây T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 25-03-2024 là: 34,398,219 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm mười chín đồng). Bao gồm:

+ Số tiền gốc tính đến ngày 25-03-2024: 17,092,474 đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 15-06-2023 đến ngày 25-03-2024: 17,305,745 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 26-3-2024, bà Nguyễn Thị Ngây T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Ngây T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.719.911đ (Một triệu, bảy trăm mười chín ngàn, chín trăm mười một đồng).

+ Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001486 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVT;
- Chi cục thi hành án dân sự TPVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Hoàng Thị C

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp.VT;
- Thi hành án dân sự tpVT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

HOÀNG THỊ CÚC

